

HOÀ GIẢI TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ - MỘT THỦ TỤC CẦN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG BỘ LUẬT THI HÀNH ÁN

*Nguyễn Bích Thảo**

Hoà giải là một biện pháp giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, xích mích phổ biến trong xã hội và có thể được hiểu ở hai cấp độ: cấp độ thứ nhất - đó là các bên có mâu thuẫn, tranh chấp tự thương lượng, dàn xếp, thoả thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, xích mích (tự hoà giải); cấp độ thứ hai - là việc một bên thứ ba đóng vai trò trung gian đứng ra giúp đỡ, thuyết phục các bên tranh chấp thoả thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn. Tuy nhiên, thông thường khi nói đến hoà giải, khái niệm này được hiểu theo cấp độ thứ hai.

Trong tố tụng dân sự, hoà giải là một nguyên tắc cơ bản đã được ghi nhận trong Bộ luật Tố tụng Dân sự của Nhà nước ta. Hàng năm, thông qua hoà giải, Tòa án giải quyết được một số lượng lớn các vụ án dân sự mà không cần đưa ra xét xử. Không chỉ phát huy tác dụng trong việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án, trên thực tế, hoà giải còn là một biện pháp thi hành án dân sự (THADS) có hiệu quả. Tuy nhiên, theo pháp luật hiện hành về THADS cũng như Dự thảo Bộ luật Thi hành án (Dự thảo X - tháng 10/2005), hoà giải chưa được ghi nhận như là một thủ tục bắt buộc trong THADS. Vì vậy, có thể nói cho đến nay, hoà giải trong THADS vẫn là một vấn đề còn để ngỏ.

Pháp luật về THADS trước đây cũng như các quy định hiện hành không có điều khoản nào quy định cụ thể về hoà giải, nhưng đã thể hiện tinh thần khuyến khích việc tự nguyện thi hành án dưới hình thức tự thoả thuận với nhau giữa các đương sự về một số nội dung nhất định, đó là việc quy định quyền của các đương sự được thoả thuận về thi hành án. Trong bất kỳ một vụ thi hành án nào, khi đã có quyết định thi hành án, Chấp hành viên cũng định cho người phải thi hành án một thời hạn không

quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án để tự nguyện thi hành án. Hết thời hạn này, nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành mà không thi hành án thì Chấp hành viên mới ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án. Điều 6 khoản 1 Pháp lệnh THADS năm 2004 ghi nhận: "Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận với nhau về thời gian, địa điểm, phương thức thi hành án, nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội". Quy định này được cụ thể hoá tại Điều 5 Nghị định số 173/CP ngày 30/9/2004 quy định về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự:

"Điều 5. Thoả thuận về thi hành án.

1. Các đương sự có quyền thoả thuận về việc thi hành án nhưng việc thoả thuận không được trái pháp luật, đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác.

2. Trường hợp vụ việc đang do cơ quan thi hành án tổ chức thi hành, Chấp hành viên lập biên bản ghi rõ nội dung thoả thuận. Nếu các đương sự không tự nguyện thi hành theo đúng nội dung thoả thuận thì cơ quan thi hành án căn cứ nội dung bản án, quyết định để tổ chức thi hành.

Trường hợp các đương sự thoả thuận về việc không yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định thì cơ quan thi hành án lập biên bản về nội dung thoả thuận và ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với phần thoả thuận không yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Pháp lệnh THADS. Nếu việc thoả thuận nói trên thực hiện sau khi tài sản đã được bán hoặc giao cho người khác nhận để thi hành án theo đúng quy định của pháp luật thì phải được sự nhất trí của người mua hoặc người nhận tài sản đó để thi hành án theo quy định tại Điều 44 và Điều 48 của Pháp lệnh THADS".

* Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ những quy định trên, có thể thấy pháp luật hiện hành về THADS mới chỉ ghi nhận hoà giải ở cấp độ thứ nhất, tức là cho phép các đương sự trong thi hành án được quyền tự thương lượng, thoả thuận với nhau về việc thi hành án (tự hoà giải) và sự thoả thuận đó được cơ quan THADS công nhận ở bất cứ thời điểm nào của quá trình THADS, miễn là không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Còn ở cấp độ thứ hai (hoà giải do bên thứ ba thực hiện với vai trò trung gian) lại chưa quy định. Nghĩa là cơ quan THADS không có trách nhiệm đứng ra hoà giải giữa các đương sự và hoà giải chưa phải là thủ tục bắt buộc trong THADS như hoà giải của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án dân sự. Tuy vậy, trên thực tế, hoà giải vẫn được sử dụng như một biện pháp nghiệp vụ của Chấp hành viên nhằm mục đích thi hành các bản án, quyết định dân sự có hiệu quả, trên cơ sở vận dụng các quy định về quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự, trong đó có quyền thoả thuận về thi hành án.

Thực tế THADS nhiều năm qua cho thấy hầu hết các vụ việc đều được cơ quan thi hành án tổ chức cho các bên đương sự thoả thuận, tự nguyện thi hành trước khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Như vậy, thực tiễn đã khẳng định hoà giải là một biện pháp quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả công tác THADS. Số vụ việc cơ quan thi hành án phải tổ chức cưỡng chế chỉ chiếm hơn 1% tổng số việc có điều kiện thi hành (năm 2001, số vụ việc phải tổ chức cưỡng chế thi hành án là 4.078 vụ trên tổng số 278.542 vụ có điều kiện thi hành, chiếm 1,46%; năm 2002, số vụ việc phải tổ chức cưỡng chế là 3.303 vụ trên tổng số 288.604 vụ có điều kiện thi hành, chiếm 1,14%; năm 2003, số vụ cưỡng chế là 3.612 vụ trên tổng số 309.700 vụ có điều kiện thi hành, chiếm 1,17%). Từ đó có thể thấy trong phần lớn các vụ việc THADS, các đương sự tự nguyện thi hành án mà không cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế. Để có được kết quả này, đã có sự tác động rất lớn của cơ quan THADS và Chấp hành viên với vai trò hoà giải để giúp các bên tự nguyện thi hành án. Trên

thực tế, hoà giải đã góp phần giải quyết dứt điểm nhiều vụ THADS phức tạp, tồn đọng trong nhiều năm; tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực và góp phần đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. Một vụ việc điển hình cho thấy vai trò của hoà giải trong thi hành án dân sự, ngay cả khi đã có quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế là vụ thi hành án tại 111A Thanh Lương - Hai Bà Trưng - Hà Nội. Trong vụ việc này, mặc dù cơ quan THADS đã tổ chức cưỡng chế trả nhà, nhưng người phải thi hành án tái chiếm trở lại và cùng nhiều người khác đến các cơ quan nhà nước phản đối việc cưỡng chế trả nhà đất, khiến cho vụ việc diễn biến rất phức tạp. Nhưng nhờ cơ quan THADS kiên trì hoà giải, các đương sự đã tự nguyện thi hành án vào phút cuối trước khi tổ chức cưỡng chế².

Như vậy, hoà giải trong THADS đã thể hiện được vai trò quan trọng trong thực tiễn. Tuy nhiên, về mặt lý luận, hiện nay đang có những ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng, không nên đặt vấn đề hoà giải trong THADS, bởi khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành thì tranh chấp giữa các bên đã được giải quyết xong; nhiệm vụ của cơ quan THADS chỉ là tổ chức thi hành bản án, quyết định đó, theo đúng nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992 (Điều 136) và Pháp lệnh THADS năm 2004 (Điều 3). Ý kiến khác lại cho rằng hoà giải cũng là một nguyên tắc trong THADS, việc xây dựng chế định hoà giải trong thi hành án là hoàn toàn có căn cứ³.

Việc tìm hiểu vấn đề hoà giải trong THADS cần xuất phát từ bản chất của THADS. Mặc dù hiện nay trong khoa học pháp lý Việt Nam chưa có những ý kiến thống nhất về bản chất của THADS (THADS là một giai đoạn tố tụng, một hoạt động tư pháp hay là hoạt động mang tính chất hành chính - tư

² Xem: Hoà giải trong thi hành án dân sự: Đôi bên cùng có lợi, Báo Pháp luật số ra ngày 16/12/2004, tr. 5.

³ Các ý kiến được trích theo: Nguyễn Công Long, Cơ sở lý luận và thực tiễn về hoà giải trong thi hành án dân sự, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số chuyên đề về Hoà giải trong thi hành án dân sự, Hà Nội, 2004, tr. 15-17.

¹ Số liệu của Cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp

pháp), nhưng một điểm mà các nhà luật học đều thừa nhận là THADS có (tuy không đầy đủ) tính chất của tố tụng dân sự và THADS có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động xét xử của Toà án. THADS diễn ra ngay sau quá trình xét xử, thậm chí có trường hợp nó đan xen với quá trình xét xử (ví dụ: thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời). Các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án là cơ sở để tổ chức thi hành án. Trong THADS, quyền tự định đoạt của các đương sự được tôn trọng, xuất phát từ quyền tự định đoạt của các chủ thể trong quan hệ dân sự. Bản chất của quan hệ dân sự là quan hệ diễn ra trong đời sống dân sự của xã hội, được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, tự do thoả thuận giữa các chủ thể có địa vị pháp lý bình đẳng với nhau. Các chủ thể này có toàn quyền quyết định tham gia hay không tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự, và do vậy họ cũng có quyền quyết định biện pháp giải quyết tranh chấp phát sinh từ những quan hệ đó. Khi tranh chấp đã được giải quyết bằng một bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật không có nghĩa là quyền tự định đoạt của các đương sự chấm dứt, mà quyền này vẫn tiếp tục được thực hiện ở giai đoạn THADS, vì xét về bản chất, quan hệ giữa các đương sự trong THADS vẫn là quan hệ dân sự, quan hệ mang tính chất "tư". Do đó, mặc dù quyền và nghĩa vụ của các bên đã được xác định rõ trong bản án, quyết định, nhưng việc có thực thi các quyền và nghĩa vụ đó hay không, thực thi theo phương thức nào lại phụ thuộc vào ý chí của đương sự. Như vậy, quá trình THADS cũng chịu sự chi phối của nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự - một nguyên tắc cơ bản, đặc trưng của tố tụng dân sự. Đây là đặc điểm mang tính khách quan của THADS, mà các quan điểm khoa học dù coi THADS là giai đoạn tố tụng hay một hoạt động hành chính - tư pháp đều không thể phủ nhận. *Chính quyền tự định đoạt của đương sự trong THADS là cơ sở để đặt vấn đề hoà giải trong THADS.* Một khi các đương sự có quyền tự định đoạt, tức là họ có quyền tự do thoả thuận về nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức thi hành án. Tuy nhiên, trên thực tế, rất ít khả năng các đương sự tự thoả thuận

được với nhau mà cần phải có sự hỗ trợ, tác động của một bên trung gian, cụ thể ở đây là cơ quan THADS, tương tự như vai trò hoà giải của Toà án trong quá trình giải quyết vụ án dân sự.

Về hoà giải trong THADS, ở một số nước, pháp luật cũng ghi nhận nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự và nguyên tắc hoà giải. Đây không chỉ là những nguyên tắc cơ bản chi phối hoạt động xét xử mà còn là những nguyên tắc của hoạt động THADS. Quyền tự định đoạt và hoà giải của các đương sự trong THADS được thừa nhận cả trước và sau khi bên được thi hành án yêu cầu áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Chẳng hạn, Điều 211 Luật Tố tụng Dân sự của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa năm 1991 quy định: "Trong quá trình thi hành, trường hợp hai bên đương sự tự mình đi tới thoả thuận, thi hành viên phải ghi vào biên bản nội dung thoả thuận, hai bên đương sự phải ký hoặc đóng dấu vào biên bản. Trường hợp một bên đương sự không thi hành thoả thuận, Toà án nhân dân có thể căn cứ vào yêu cầu của đương sự nhằm khôi phục lại việc thi hành đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật". Còn Bộ luật Tố tụng Dân sự của Cộng hoà Liên bang Nga (được Đuma quốc gia thông qua ngày 23/10/2002) có quy định một trường hợp Toà án đình chỉ thi hành án, đó là: "người được thi hành án và người bị thi hành án hoà giải với nhau và được Toà án chấp nhận" (điểm 2 khoản 1 Điều 439). Theo pháp luật của Cộng hoà Liên bang Đức, nếu người phải thi hành án không có điều kiện thi hành án, thì cơ quan thi hành án tổ chức cuộc họp giữa các chủ nợ và con nợ (người phải thi hành án) để hai bên thương lượng về việc giảm bớt khoản nợ phải trả, đồng thời ấn định một thời gian (không quá 7 năm) để con nợ thực hiện phương án trả nợ. Qua thời gian 7 năm, nếu con nợ đã làm hết sức mình nhưng không có khả năng trả nợ thì khoản nợ nói trên sẽ được

⁴ Xem: Bùi Nguyên Khánh, Một số ý kiến về thủ tục thi hành án dân sự - kinh tế của Việt Nam từ cách tiếp cận của luật so sánh, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 7/2001.

xoá bỏ⁵. Như vậy, pháp luật Trung Quốc và pháp luật Liên bang Nga ghi nhận quyền tự định đoạt của các đương sự trong quá trình THADS, trong đó có quyền tự hoà giải với nhau (hoà giải ở cấp độ thứ nhất). Riêng pháp luật Cộng hoà Liên bang Đức quy định vai trò trung gian hoà giải của cơ quan thi hành án nhằm giúp các đương sự đi tới thoả thuận về thi hành án (hoà giải ở cấp độ thứ hai).

Ở Việt Nam, hoà giải trong THADS không chỉ xuất phát từ nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự, mà còn dựa trên cơ sở đặc điểm truyền thống, tâm lý dân tộc. Người Việt Nam vốn có lối sống cộng đồng, truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, coi trọng tình làng nghĩa xóm, "tối lửa tắt đèn" có nhau. Nếu có mâu thuẫn, xích mích, tranh chấp, họ thường chủ trương "chín bỏ làm mười", "một điều nhịn là chín điều lành" để giữ gìn quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong cộng đồng. Ngày nay, dưới tác động của tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, đời sống kinh tế - xã hội của người Việt Nam có những biến đổi sâu sắc, nhưng truyền thống đoàn kết, lối sống cộng đồng, trọng đạo lý, tình nghĩa vẫn tiếp tục được bảo tồn và phát huy. Đặc điểm này tạo ra nhiều khả năng và cơ hội cho hoà giải, không chỉ trong giải quyết tranh chấp mà cả trong THADS. Việc tác động đến tâm lý đương sự, khơi gợi những giá trị đạo lý, tình làng nghĩa xóm để các đương sự thoả thuận được với nhau sẽ đem lại hiệu quả tích cực cho công tác THADS.

Hơn nữa, hiện nay, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với việc đề cao quyền tự do thoả thuận, quyền tự định đoạt của các chủ thể, giảm thiểu sự can thiệp của Nhà nước vào các quan hệ dân sự cũng là cơ sở của hoà giải trong THADS. Nếu ở trong một nền kinh tế tập trung quan liêu với cơ chế THADS mang nặng tính chất bao cấp thì hoà

giải trong THADS khó có thể thực hiện được, bởi mà quyền tự do thoả thuận của đương sự bị xem nhẹ.

Vì vậy, có thể thấy ý kiến của PGS. TS. Phạm Hữu Nghị là hợp lý khi ông cho rằng: "...mọi sự thoả thuận phù hợp với pháp luật đã đạt được giữa các bên trong thương lượng, hoà giải dù là trước, trong hoặc sau tố tụng đều được Nhà nước và pháp luật công nhận và bảo đảm thi hành. Tư tưởng này cần được thể hiện trong nội dung của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thi hành án dân sự"⁶.

Nghiên cứu Dự thảo X Bộ luật Thi hành án, qua các quy định như: "Nhà nước khuyến khích người phải thi hành án, người bị kết án tự nguyện chấp hành án" (Điều 8); "Nhà nước khuyến khích người phải thi hành án tự nguyện thi hành án" (Điều 23); "Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận với nhau về thời gian, địa điểm, phương thức thi hành án trước khi có quyết định cưỡng chế thi hành án, nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội" (Điều 23), có thể thấy Dự thảo cũng chỉ ghi nhận hoà giải ở cấp độ thứ nhất - cho phép các đương sự tự hoà giải, tự thoả thuận về thi hành án, mà không quy định về hoà giải với vai trò trung gian của cơ quan THADS (hoà giải ở cấp độ thứ hai). Không những thế, Dự thảo còn thu hẹp quyền thoả thuận của các đương sự so với pháp luật hiện hành (theo Điều 23 Dự thảo, các đương sự chỉ được thoả thuận trước khi có quyết định cưỡng chế). Với cách quy định này của Dự thảo Bộ luật Thi hành án thì vai trò của hoà giải trong THADS sẽ khó được phát huy.

Để hoà giải trong THADS phát huy hơn nữa hiệu quả, hiệu lực trên thực tế, cần "luật hoá" vấn đề hoà giải trong THADS. Chỉ khi hoà giải được quy định là một thủ tục bắt buộc thì mới nâng cao được trách nhiệm hoà giải của cơ quan thi hành án và Chấp hành viên, tạo điều kiện để các đương sự thoả thuận về thi hành án; góp phần thi hành nhanh chóng, dứt điểm các bản án, quyết định dân sự.

⁵ Viện Khoa học pháp lý, Báo cáo Phúc trình Đề tài cấp Nhà nước độc lập "Luận cứ khoa học và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án ở Việt Nam trong giai đoạn mới", Mã số 2000-58-198, Hà Nội, 2003, tr. 146.

⁶ Phạm Hữu Nghị, Về nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 12/2000.

Do đó, Dự thảo Bộ luật Thi hành án cần có quy định về hoà giải trong THADS, trong đó cần quy định theo hướng hoà giải có thể được tiến hành trong suốt quá trình THADS, kể cả khi đã có quyết định cưỡng chế thi hành án, nhưng hoà giải phải là thủ tục bắt buộc trước khi có quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế và hoà giải thành phải có tính cưỡng chế thi hành. Trong trường hợp một bên không tự giác thi hành thoả thuận

thì cơ quan THADS tổ chức thi hành theo đúng thoả thuận, chứ không quay trở lại thi hành theo nội dung bản án, quyết định (như quy định của pháp luật THADS hiện hành), để tránh kéo dài quá trình thi hành án, dẫn đến án tồn đọng. Và khi đã quy định hoà giải là thủ tục bắt buộc trong THADS và có tính cưỡng chế thi hành thì cần quy định rõ nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong việc bảo đảm cho hoà giải trong THADS.

(Tiếp theo bài Cơ sở lý luận và ... tr 55)

Thứ nhất, nguy cơ vi phạm hợp đồng của phía bên kia phải có cơ sở xác đáng, không những thế mà phải là nguy cơ vi phạm nghĩa vụ cơ bản, bởi vì chế tài huỷ hợp đồng chỉ được áp dụng khi có sự vi phạm hợp đồng cơ bản mà thôi.

Thứ hai, cần phải thông báo cho bên kia biết được lý do huỷ hợp đồng của mình. Trong trường hợp bên được thông báo đưa ra cam kết thực hiện nghĩa vụ khi đến thời hạn thì bên có quyền không thể huỷ hợp đồng. Trong trường hợp này nếu nghĩa vụ không được thực hiện thì bên vi phạm không được viện dẫn đến nghĩa vụ hạn chế tổn thất. Về

vấn đề này có thể tham khảo quy định của Điều 2-609 Bộ luật Thương mại thống nhất của Mỹ⁷ và Điều 72 Công ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

Chúng tôi cho rằng, việc nghiên cứu những vấn đề pháp lý liên quan đến việc điều chỉnh loại vi phạm hợp đồng được dự đoán trước không những có ý nghĩa lý luận mà có ý nghĩa thực tiễn hết sức quan trọng, nó giúp cho các doanh nghiệp của Việt Nam chúng ta chủ động hơn trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng thương mại quốc tế với các đối tác thuộc các hệ thống pháp luật khác nhau.

⁷ Điều 2-609. Bộ luật Thương mại Thống nhất của Hoa Kỳ (UCC) quy định rằng, nếu người mua có cơ sở để nghi ngờ người bán sẽ không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của mình thì người mua bằng văn bản có quyền yêu cầu người bán đưa ra bảo đảm cũng bằng văn bản việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Chừng nào chưa nhận được sự trả lời của người bán về sự bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình trong một thời hạn hợp lý, người mua có quyền ngừng việc thực hiện mọi nghĩa vụ của mình. Trong thời hạn hợp lý và không quá 30 ngày sau khi nhận được yêu cầu có cơ sở của người mua mà người bán không đưa ra bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, người mua có quyền huỷ hợp đồng trước thời hạn và yêu cầu bồi thường thiệt hại.